

Số: *4229* /TCT-TNCN

Hà Nội, ngày *21* tháng 10 năm 2010

V/v xác định tình trạng cư trú của người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài

Kính gửi: Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng đại diện Adidas tại Việt Nam có công văn số 0710/adidas ngày 21/07/2010 về việc xác định tình trạng cư trú của người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại điểm 1, điểm 2, Mục I, Phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân hướng dẫn: "1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

1.1. Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó, ngày đến được tính là một ngày và ngày đi cũng được tính là một ngày. Ngày đến và ngày đi được xác định căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân đó khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:

a) Có nơi ở đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú:

- Đối với công dân Việt Nam: nơi ở đăng ký thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký cư trú theo quy định của Luật cư trú.

- Đối với người nước ngoài: nơi ở thường xuyên của người nước ngoài là nơi đăng ký và được ghi trong Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp.

b) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của hợp đồng thuê từ 90 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể như sau:

- Cá nhân chưa hoặc không có nơi ở được đăng ký thường trú, hoặc không được cấp Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú theo hướng dẫn nêu trên, nhưng có tổng số ngày thuê nhà theo hợp đồng thuê từ 90 ngày trở lên trong năm tính thuế cũng thuộc đối tượng là cá nhân cư trú, kể cả trường hợp thuê ở nhiều nơi.

- Nhà thuê để ở bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, ở nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở nơi làm việc, ở trụ sở cơ quan,... không phân biệt cá nhân tự thuê hay người sử dụng lao động thuê cho người lao động.

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1 nêu trên.”

- Tại điểm 1, điểm 3 Mục I, Phần A Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam hướng dẫn: “1. Theo Hiệp định, thuật ngữ “đối tượng cư trú của một Nước ký kết” là đối tượng mà theo luật của một Nước ký kết là đối tượng chịu thuế tại nước đó do:

1.1. Có nhà ở, có thời gian cư trú tại nước đó hoặc các tiêu thức có tính chất tương tự trong trường hợp đối tượng đó là một cá nhân; hoặc

1.2. Có trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký, hoặc được thành lập tại nước đó hoặc các tiêu thức có tính chất tương tự trong trường hợp đối tượng đó là một tổ chức...

3. Trường hợp căn cứ vào quy định tại điểm 1.1 và 1.2 trên đây, nếu một đối tượng vừa là đối tượng cư trú của Việt Nam vừa là đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam thì căn cứ vào các tiêu thức theo thứ tự ưu tiên dưới đây để xác định đối tượng đó là đối tượng cư trú của Việt Nam:

3.1. Đối với cá nhân:

3.1.1. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở Việt Nam (nhà thuộc sở hữu hoặc nhà thuê thuộc quyền sử dụng của đối tượng đó) thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Việt Nam.

3.1.2. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú tại cả hai nước nhưng cá nhân đó có quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn tại Việt Nam như việc làm, có địa điểm kinh doanh, nơi quản lý tài sản cá nhân, hoặc có quan hệ cá nhân chặt chẽ hơn tại Việt Nam như quan hệ gia đình, xã hội (ví dụ: hội viên các đoàn thể xã hội, hiệp hội nghề nghiệp,...),... thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Việt Nam.

3.1.3. Nếu không xác định được cá nhân đó có quan hệ kinh tế, quan hệ cá nhân tại nước nào chặt chẽ hơn hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở nước nào, nhưng cá nhân đó có thời gian có mặt tại Việt Nam nhiều hơn trong năm tính thuế thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Việt Nam.

3.1.4. Nếu cá nhân đó thường xuyên có mặt cả ở Việt Nam và Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam cũng như không có mặt thường xuyên ở cả hai nước nhưng cá nhân đó mang quốc tịch Việt Nam thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Việt Nam.

3.1.5. Nếu cá nhân đó mang quốc tịch của cả Việt Nam và Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam hoặc không mang quốc tịch của cả hai nước thì Nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam sẽ giải quyết vấn đề này thông qua thủ tục thoả thuận song phương với Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.”

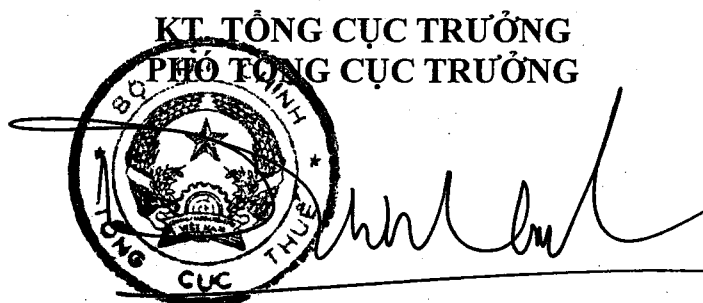
Căn cứ quy định trên, theo pháp luật Việt Nam những nhân viên Việt Nam ký hợp đồng lao động với Công ty nước ngoài, làm việc ở nước ngoài (chỉ ở Việt Nam dưới 183 ngày) nhưng vẫn duy trì nơi ở đăng ký thường trú tại Việt

Nam thuộc đối tượng cá nhân cư trú tại Việt Nam. Trường hợp, nếu các nhân viên người Việt Nam đi làm việc cho Công ty ở nước ngoài là đối tượng cư trú đôi của Việt Nam và của nước ký hiệp định với Việt Nam thì sẽ áp dụng Hiệp định thuế để xác định nơi cư trú duy nhất của các cá nhân đó.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh được biết và tham khảo nội dung trên để hướng dẫn Văn phòng đại diện Adidas tại Việt Nam được biết. Trong quá trình thực hiện nếu còn có vấn đề gì chưa rõ, chưa thoả đáng đề nghị phản ánh về Tổng cục để được giải đáp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng đại diện Adidas tại Việt Nam
- Vụ Pháp chế (TCT(2b));
- Lưu: VT, TNCN(2b).



Phạm Duy Khương